

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HS-ST

Ngày: 11 - 02 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Ông Phan Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bá Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2026/HSST, ngày 13 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 01/01/1973; nơi cư trú: khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị K. Bị cáo có vợ tên Lê Thị H (chết) và 03 người con. Tiền án: 01 (Ngày 12/10/2021 bị Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2025 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 08/6/2007; nơi cư trú: khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973 và bà Lê Thị H (chết). Bị cáo chưa có vợ và con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/10/2025 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Thạch Dương C**, sinh năm 1983 (có xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số A khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trần Thanh S1**, sinh năm 1964 (có xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Phạm Thị C1**, sinh năm 1968 (có xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1976 (có xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 3 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/01/1973 nơi thường trú: Số A, khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long) điều khiển xe mô tô biển số 84H8-2083 chở con ruột là bị cáo Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/6/2007 ngụ cùng địa chỉ trên đi mua đồ ăn. Khi đến trước nhà của ông Thạch Dương C, sinh năm 1983, tọa lạc tại Số A, khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long), bị cáo Nguyễn Thanh B thấy cửa nhà ông Thạch Dương C không khóa, bên trong nhà có dựng một xe mô tô biển số 84FC – 0612 nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo Nguyễn Thanh B dừng xe và kêu bị cáo Nguyễn Minh N đi vào trong nhà lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 84FC - 0612 dẫn ra ngoài. Sau đó, bị cáo Nguyễn Minh N dẫn xe còn bị cáo Nguyễn Thanh B điều khiển xe mô tô biển số 84H8-2083 chạy phía sau để đi tìm nơi bán. Khi đến đường tuyến số A, khóm H, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long), do trời tối và chưa tìm được nơi bán tài sản nên bị cáo B và bị cáo N cất giấu chiếc xe mô tô trộm được vào bụi cây ven đường, sau đó đi về nhà.

Đến sáng ngày 13 tháng 3 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thanh B điều khiển xe mô tô biển số 84H8-2083 chở bị cáo Nguyễn Minh N đi đến chỗ cất giấu chiếc xe mô tô trộm được đem đến vừa thu mua phế liệu tại địa chỉ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) do ông Trần Thanh S1, sinh năm 1964, nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) làm chủ, bán được với giá 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/2025/KLĐGTS ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HOLDER dung tích xi lanh 49 cm³ màu xanh (xe biển số 84FC-0612), số máy P39FMB310015511; số khung 3XCB5001A015511 có giá 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B từng có 01 lần tiền án, bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về hành vi Chống người thi hành công vụ theo bản án số 56/2021/HSST vào ngày 12/10/2021, chưa chấp hành xong phần án phí nên chưa xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo B, bị cáo N thành khẩn khai báo, bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Đối với ông Trần Thanh S1 và bà Phạm Thị C1 là chủ cơ sở kinh doanh cửa hàng mua bán phế liệu, không biết xe HOLDER bị cáo B và N đem đến bán là do trộm cắp nên không xem xét xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 84H8-2083 màu đen xám do bà Nguyễn Thị Thanh T là em ruột của bị cáo B quản lý sử dụng và đứng tên chủ sở hữu tài sản; bà T không biết việc bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Nguyễn Minh N sử dụng phương tiện trên để đi trộm cắp tài sản.

Việc thu giữ, tạm giữ, đồ vật: xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Thạch Dương C là chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HOLDER, dung tích xi lanh: 49 cm³, màu xanh (không có biển số), số khung 3XCB5001A015511, số máy P39FMB310015511, đã qua sử dụng.

Hiện còn tạm giữ:

- Tiền Việt nam đồng : 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe mô tô biển số 84H8-2083, nhãn hiệu STM, dung tích xi lanh: 107 cm³, màu đen xám, số máy VZS12FMH226810, số khung: RNAWCHMNA71226810, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với bị hại là ông Thạch Dương C người sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản nên ông C không yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Trần Thanh S1 và bà Phạm Thị C1 là người kinh doanh phế liệu, thu mua xe mô tô HOLDER, đã giao phương tiện xe mô tô trên cho Cơ quan Công an và không có yêu cầu bị cáo B và bị cáo N trả số tiền 750.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSKV10 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Vĩnh Long đã truy tố Nguyễn Thanh B và Nguyễn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 17 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 05 tháng đến 06 tháng tù. Đồng thời đề

nghị xử lý tang vật chứng và buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/3/2025 bị cáo Nguyễn Thanh B điều khiển xe mô tô biển số 84H8-2083 chở bị cáo Nguyễn Minh N đến trước nhà ông Thạch Dương C phát hiện trong nhà ông C có dựng 01 xe mô tô 84FC-0612 trị giá 2.800.000 đồng, bị cáo B dừng xe và kêu bị cáo N đi vào trong lầy trộm, sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo đem bán cho ông Trần Thanh S1 và bà Phạm Thị C1 được 750.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Nguyễn Minh N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Bị cáo B có hành vi xúi giục bị cáo Nguyễn Minh N là người dưới 18 tuổi phạm tội và bản thân bị cáo Nguyễn Thanh B vào năm 2021 đã bị Tòa án xử phạt

01 năm 06 tháng tù tội “Chống người thi hành công vụ” chưa được xóa, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Thạch Dương C đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh S1, bà Phạm Thị C1 không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Riêng bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được nhận lại tài sản là xe mô tô 84H8-2083 vì đây là tài sản hợp pháp của bà không liên quan đến vụ án. Đây là yêu cầu chính đáng cần được chấp nhận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

[6] Về vật chứng: tiền Việt nam 750.000 đồng cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2025.

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 17 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Thạch Dương C không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh S1, bà Phạm Thị C1 không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tiền Việt nam 750.000 đồng. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T 01 xe mô tô biển số 84H8-2083, nhãn hiệu STM, dung tích xi lanh: 107cm³ màu đen xám, số máy VZS12FMH226810, số khung: RNAWCHMNA71226810 đã qua sử dụng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án sơ thẩm xử công khai báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10-Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sỹ